

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 18 – 6 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt

Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp THA, xã TP, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp TP (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1963; chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp TTB, xã TP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Huỳnh Thanh T và ông Nguyễn Thành K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp TP do ông Nguyễn Thành K làm đại diện theo pháp luật có vay của anh Huỳnh Thanh T 02 lần, cụ thể:

Hợp tác xã và anh T ký hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, thanh toán tiền lãi 4 tháng/lần.

Hợp tác xã và anh T ký hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, thanh toán tiền lãi 4 tháng/lần.

Ngày 28/9/2018, anh T đồng ý góp vốn số tiền 200.000.000 đồng vào Hợp tác xã từ Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016.

Khi thực hiện hợp đồng vay vốn, anh T đã nhận tiền lãi của hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX đến ngày 21/11/2018, nhận tiền lãi của hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX đến ngày 25/11/2018. Anh T không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền lãi đã nhận từ Hợp tác xã.

Ngày 03/02/2019, anh T tạm ứng của Hợp tác xã số tiền 10.000.000 đồng và ngày 15/02/2019, anh T tạm ứng của Hợp tác xã số tiền 4.500.000 đồng, tổng cộng là 14.500.000 đồng. Đối với số tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với số tiền vốn 230.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 22/11/2018 đến ngày 18/6/2019 là 6 tháng 26 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 11.845.000 đồng.

Đối với số tiền vốn 350.000.000 đồng, trừ số tiền góp vốn là 200.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 18/6/2019 là 6 tháng 22 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.575.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi của 02 Hợp đồng vay vốn là 19.420.000 đồng.

Nay anh Huỳnh Thanh T yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp TP trả cho anh T số tiền vốn là 380.000.000 đồng và lãi là 19.420.000 đồng, tổng cộng là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bị đơn Hợp tác xã nông nghiệp TP trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp TP vay của anh T nhiều lần từ năm 2008, sau một năm thì Hợp tác xã và anh T thống nhất lập Hợp đồng vay vốn mới thay thế cho Hợp đồng vay vốn cũ. Việc vay và trả lãi cho anh T từ năm 2008, Hợp tác xã không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai Hợp đồng vay vốn cuối cùng giữa Hợp tác xã và anh T là:

- Hợp tác xã và anh T ký hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, thanh toán tiền lãi 4 tháng/lần.

- Hợp tác xã và anh T ký hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 580.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, thanh toán tiền lãi 4 tháng/lần.

Đối với hai Hợp đồng vay vốn nêu trên, Hợp tác xã đã trả tiền lãi cho anh T theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX đến ngày 21/11/2018, trả tiền lãi cho anh T theo hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX đến ngày 25/11/2018.

Ngày 28/9/2018, anh T đồng ý góp vốn số tiền 200.000.000 đồng vào Hợp

tác xã từ Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016.

Ngày 02/11/2018, anh T đồng ý góp vốn với số 580.000.000 đồng từ hai hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX và hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX.

Ngày 03/02/2019, anh T tạm ứng của Hợp tác xã số tiền 10.000.000 đồng và ngày 15/02/2019, anh T tạm ứng của Hợp tác xã số tiền 4.500.000 đồng, tổng cộng là 14.500.000 đồng. Đối với số tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng, cuối năm 2019 Hợp tác xã tổng kết chi lợi nhuận cho anh T thì Hợp tác xã sẽ trừ lại khoản tiền nêu trên.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Thành K là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp TP không đồng ý trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vốn là 380.000.000 đồng và lãi là 19.420.000 đồng, tổng cộng là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Thanh T trả cho Hợp tác xã số tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016; Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016 (Bản sao đối chiếu).

- Biên bản ngày 02/11/2018, Biên bản ngày 28/9/2018, Danh sách cổ đông ngày 02/10/2018, Giấy tạm ứng (Bản sao đối chiếu);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hợp tác xã nông nghiệp TP địa chỉ trụ sở tại ấp Ấp TTB, xã TP, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 25/7/2016 và Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016 giữa anh Huỳnh Thanh T và Hợp tác xã.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận về nội dung, anh Huỳnh Thanh T và Hợp tác xã đã ký Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 230.000.000 đồng; Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016. Theo thỏa thuận, Hợp tác xã vay số tiền 350.000.000 đồng.

Tại thời điểm ký Hợp đồng vay vốn, Hợp tác xã hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 510607000012. Anh Huỳnh Thanh T có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng vay vốn thì Hợp tác xã Thuận Phú và ông Huỳnh Thanh T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, thời điểm xác lập hợp đồng phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016 và Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016 có giá trị về mặt pháp lý.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Huỳnh Thanh T yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp TP trả cho anh T số tiền vốn là 380.000.000 đồng và lãi là 19.420.000 đồng, tổng cộng là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Xét thấy, người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã thừa nhận, Hợp tác xã đã vay của anh T tổng số tiền là 580.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giữa anh T và Hợp tác xã thống nhất, anh T sẽ góp vốn số tiền là 200.000.000 đồng vào Hợp tác xã. Việc thỏa thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền còn lại là 380.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã thừa nhận chưa trả bất kỳ khoản tiền vốn nào cho anh T. Hợp tác xã cũng không chứng minh được có sự thỏa thuận khác về việc trả khoản tiền vay cho anh T. Mặt khác, các bên thống nhất thời hạn vay là 12 tháng, đến nay đã hết thời hạn nhưng Hợp tác xã vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký kết. Cho nên, có căn cứ xác định Hợp tác xã đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản tiền vay của anh T.

Đối với tiền lãi: Anh T và Hợp tác xã thống nhất mức lãi suất 1,5%/tháng của Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX ngày 21/7/2016 và mức lãi suất 1,2%/tháng của Hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX ngày 25/7/2016 là vượt mức lãi suất được quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T và người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền lãi mà Hợp tác xã đã trả cho anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn 230.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 22/11/2018 đến ngày 18/6/2019 là 6 tháng 26 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 11.845.000 đồng và đối với số tiền 150.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 18/6/2019 là 6 tháng 22 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.575.000 đồng, tổng cộng tiền lãi là 19.420.000 đồng. Như vậy, việc yêu cầu tính lãi của anh T phù hợp theo quy định tại Điều 476

của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng (Trong đó: Ngày 03/02/2019, anh T tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng và ngày 15/02/2019, anh T tạm ứng số tiền 4.500.000 đồng). Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, anh Huỳnh Thanh T yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp TP trả cho anh T số tiền vốn và lãi là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến Hợp tác xã nông nghiệp TP không đồng ý trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vốn là 380.000.000 đồng và lãi là 19.420.000 đồng, tổng cộng là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Xét thấy, Hợp tác xã căn cứ vào Biên bản ngày 02/11/2018 xác định anh T đồng ý góp vốn với số 580.000.000 đồng từ hai hợp đồng vay vốn số 01/HĐV-HTX và hợp đồng vay vốn số 09/HĐV-HTX. Tuy nhiên, theo Biên bản ngày 02/11/2018 không thể hiện nội dung anh T đồng ý góp vốn với tổng số tiền là 580.000.000 theo các Hợp đồng vay vốn nêu trên. Ngoài ra, Hợp tác xã cũng không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh anh T sử dụng số tiền 580.000.000 đồng từ hai Hợp đồng vay vốn nêu trên để góp vốn vào Hợp tác xã. Theo phân tích nêu trên, ý kiến của Hợp tác xã không là không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của Hợp tác xã yêu cầu anh Huỳnh Thanh T trả cho Hợp tác xã số tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2019, Hợp tác xã không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã yêu cầu anh T trả cho Hợp tác xã số tiền tạm ứng là 14.500.000 đồng không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền tạm ứng nêu trên nếu phát sinh tranh chấp thì Hợp tác xã có thể khởi kiện anh T thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T nên Hợp tác xã nông nghiệp TP phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ

luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T.

Buộc Hợp tác xã nông nghiệp TP trả cho anh T số tiền vốn và lãi là 399.420.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Hợp tác xã nông nghiệp TP phải chịu số tiền 19.971.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho anh Huỳnh Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.902.000 đồng (Chín triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0009299 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên